



Xác định hai số tự nhiên nhỏ hơn và lớn hơn số căn bậc hai.

Câu trả lời

1) $\sqrt{50}$

2) $\sqrt{72}$

1. _____

3) $\sqrt{15}$

4) $\sqrt{30}$

2. _____

5) $\sqrt{24}$

6) $\sqrt{18}$

3. _____

7) $\sqrt{62}$

8) $\sqrt{51}$

4. _____

9) $\sqrt{94}$

10) $\sqrt{40}$

5. _____

11) $\sqrt{53}$

12) $\sqrt{43}$

6. _____

13) $\sqrt{47}$

14) $\sqrt{7}$

7. _____

15) $\sqrt{10}$

16) $\sqrt{58}$

8. _____

17) $\sqrt{37}$

18) $\sqrt{90}$

9. _____

19) $\sqrt{89}$

20) $\sqrt{82}$

10. _____

11. _____

12. _____

13. _____

14. _____

15. _____

16. _____

17. _____

18. _____

19. _____

20. _____



Xác định hai số tự nhiên nhỏ hơn và lớn hơn số căn bậc hai.

Câu trả lời

1) $\sqrt{50}$

2) $\sqrt{72}$

1. 7 8

3) $\sqrt{15}$

4) $\sqrt{30}$

2. 8 9

5) $\sqrt{24}$

6) $\sqrt{18}$

3. 3 4

7) $\sqrt{62}$

8) $\sqrt{51}$

4. 5 6

9) $\sqrt{94}$

10) $\sqrt{40}$

5. 4 5

11) $\sqrt{53}$

12) $\sqrt{43}$

6. 4 5

13) $\sqrt{47}$

14) $\sqrt{7}$

7. 7 8

15) $\sqrt{10}$

16) $\sqrt{58}$

8. 7 8

17) $\sqrt{37}$

18) $\sqrt{90}$

9. 9 10

19) $\sqrt{89}$

20) $\sqrt{82}$

10. 6 711. 7 812. 6 713. 6 714. 2 315. 3 416. 7 817. 6 718. 9 1019. 9 1020. 9 10



Xác định hai số tự nhiên nhỏ hơn và lớn hơn số căn bậc hai.

Câu trả lời

1) $\sqrt{50}$

2) $\sqrt{72}$

1. _____

2. _____

3. _____

3) $\sqrt{15}$

4) $\sqrt{30}$

4. _____

5. _____

6. _____

5) $\sqrt{24}$

6) $\sqrt{18}$

7. _____

8. _____

9. _____

7) $\sqrt{62}$

8) $\sqrt{51}$

10. _____

11. _____

12. _____

13. _____

9) $\sqrt{94}$

10) $\sqrt{40}$

14. _____

15. _____

16. _____

17. _____

18. _____

19. _____

20. _____

11) $\sqrt{53}$

12) $\sqrt{43}$